

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1966, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1967, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 12/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Văn Q trình bày:**

Ông và bà Võ Thị P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cãi vã nhau rất nhiều, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Thời gian qua, mặc dù ông đã cố gắng dung hòa với bà P nhưng không có kết quả tốt mà ngược lại mâu thuẫn càng gây

gắt. Ông bà đã sống ly thân hơn 08 năm nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông Hồ Văn Q yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Võ Thị P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Minh T, sinh năm 1988 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà P vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Q, bà P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, ông Q có đơn yêu cầu ly hôn với bà P, bị đơn bà P có địa chỉ tại ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Võ Thị P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa ông Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà P vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông Q và bà P sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay ông Q xin ly hôn với bà P. Căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống giữa ông Q với bà P là vợ chồng.

3.2. Về con chung: Đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa ông Hồ Văn Q với bà Võ Thị P là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Hồ Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001712 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên ông Q đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh

